

QUAN NIỆM CỦA NHO GIÁO VỀ XÃ HỘI LÝ TƯỞNG VÀ VIỆC NHẬN THỨC ĐỂ XÂY DỰNG XÃ HỘI XHCN Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

Nguyễn Thanh Bình

I

Cũng như bất kỳ một học thuyết chính trị - xã hội nào khác, Nho giáo cũng đưa ra quan niệm về một xã hội lý tưởng với tất cả những đặc điểm căn bản của nó và các biện pháp để tạo lập, duy trì cái xã hội ấy.

Có thể cần phải nghiên cứu, lý giải nội dung và thực chất quan niệm của Nho giáo về một xã hội lý tưởng thông qua việc phân tích những đặc trưng của các xã hội đó.

Thứ nhất, giống như bất kỳ một hệ tư tưởng nào khác, đặc biệt là khi nó có thêm một chức năng là hệ tư tưởng của giai cấp thống trị, đứng trước một xã hội rối loạn bởi chiến tranh, bởi những mâu thuẫn và xung đột giai cấp, Nho giáo cũng muốn thoát khỏi cái xã hội đó và mong ước một xã hội ổn định, thái bình, đại đồng, mọi người đều sống hoà mục, thân ái, bình đẳng. Mơ ước về một xã hội như vậy, trong Luận ngữ, Khổng Tử đã nói: “Vua chư hầu có nước, quan đại phu có nhà, *hai hạng ấy* chẳng lo sợ cho nước nhà mình ít người, mà lo sợ rằng: *tình hình và phép tắc* chẳng được đóng *giấu*; chẳng lo sợ cho nước mình nghèo khổ, mà lo sợ chẳng được an ninh. Là vì hễ động đều thì chẳng nghèo khổ; người hoà thì dân số không ít; có an ninh thì nước nhà không nghiêng ngả”[2,259]. Xã hội lý tưởng được các nhà Nho nêu lên còn là một xã hội ở đó có vua thánh, tôi hiền, mọi cái đều là của chung, mọi người đều có quyền lợi, đều có sản nghiệp riêng, đều được chăm sóc. Trong thiên *Lễ vận*, sách *Lễ ký*, Khổng Tử nói: “Sự thực hiện của đạo lớn là, thiên hạ là của chung, tuyển chọn người hiền và cử người tài năng, nói điều tin và tu sửa hoà mục. Cho nên người ta không chỉ tôn kính cha mẹ mình, không chỉ thương yêu con

cái mình, còn khiến cho người già được sống trọn đời, người trai tráng được sử dụng, trẻ thơ được lớn lên, người không vợ, người không chồng, trẻ mồ côi, người không con, người tàn tật, tất cả đều được chăm sóc" [16,76].

Vậy thực chất quan niệm của Khổng Tử và các Nho gia về một xã hội đại đồng... là gì? Có phải cái xã hội đó trong quan niệm của họ là xã hội không còn có sự phân chia thành đẳng cấp, giai cấp và mọi người đều bình đẳng, như nhau ?...

Đúng là các nhà Nho đã tìm ra một trong những nguyên nhân của tình trạng xã hội rối loạn là "vua không ra vua, cha không ra cha, con không ra con"; tức là họ coi một trong những nguồn gốc làm cho xã hội rối loạn là từ sự rối loạn trong gia đình. Do đó, các nhà Nho đều cho rằng, muốn cho xã hội có trật tự, có kỷ cương và ổn định, thì trước hết và cơ bản gia đình phải có trật tự, có kỷ cương sao cho "cha ra cha, con ra con, vợ ra vợ, chồng ra chồng". Các nhà Nho chủ trương giáo dục, giáo hóa mọi người trong xã hội theo những nguyên lý đạo đức: Chính danh, Tam cương, Ngũ thường, chủ trương mọi người phải "tu thân" theo những nguyên lý ấy, trước hết và chủ yếu cũng nhằm mục đích trên. Cho nên cũng dễ hiểu tại sao Nho giáo chú trọng, đề cao giáo dục, giáo hóa với phương châm "Hữu giáo vô loại", "Phú nhi hậu giáo"; coi giáo dục, giáo hóa là biện pháp căn bản nhất duy trì trật tự, kỷ cương trong gia đình - tiền đề và điều kiện bảo đảm cho trật tự, kỷ cương, ổn định của xã hội.

Song những chủ trương ấy của các nhà Nho không phải là nhằm đem lại một gia đình, một xã hội mà trong đó mọi người đều bình đẳng hoàn toàn. Trong cái gia đình ấy, người cha luôn là người có uy quyền cao nhất, người chồng có quyền lớn hơn người vợ. Có như vậy, gia đình mới được xem là có kỷ cương, có trật tự, có giáo dục. Đến Đồng Trọng Thư thì quan niệm về một gia đình có trật tự, kỷ cương lại càng trở nên rõ ràng hơn, khắc nghiệt hơn, trong đó quyền hành của người cha, người chồng là tuyệt đối: "Cha bắt con chết con phải chết, con không chết là con bất hiếu, vợ phải tuyệt đối phục tùng mệnh lệnh của chồng". Và khi coi gia đình là tế bào của xã hội, nhà là gốc của nước, trật tự, kỷ cương trong gia đình là tiền đề, điều kiện để duy trì

trật tự, kỷ cương của xã hội, rồi cục nhà nhà Nho đều nhằm bảo vệ duy trì vĩnh viễn địa vị của ông vua (Thiên tử), cố định hoá trật tự và cơ cấu giai cấp của xã hội phong kiến. Rõ ràng các nhà Nho nhất nhất đều chủ trương duy trì một xã hội phong kiến luôn luôn tồn tại sự phân biệt đẳng cấp, giai cấp, danh phận. Cái xã hội lý tưởng mà các nhà Nho quan niệm là phải: đứng đầu Nhà nước là Thiên tử và Thiên tử là người có uy quyền cao nhất, dưới Thiên tử là vua chư hầu, dưới vua chư hầu là các quan đại phu, dưới quan đại phu là thần dân trong thiên hạ. Tức là cái xã hội đó phải luôn "trong vòng trật tự có lợi cho giai cấp thống trị" và vì vậy, kẻ nào phá hoại các "trật tự" đó thì sẽ bị Thiên tử trừng phạt - đúng như các nhà Nho luôn luôn chủ trương: Lễ nhạc, chính phạt đều từ Thiên tử mà ra.

Nói rằng, Nho giáo chủ trương một xã hội mà mọi người đều bình đẳng thì thực chất là nhằm duy trì vĩnh viễn sự bất bình đẳng, sự bất công. Bởi vậy, xét đến cùng, quan niệm của Nho giáo về một xã hội lý tưởng thái bình, ổn định, có trật tự, kỷ cương... "về căn bản nó là phản động"[2,10], là "hết sức nghiệt ngã, hết sức hình thức và thù địch với cuộc sống, với con người, với nhân dân"[3,85], cản trở và đi ngược lại xu thế phát triển tất yếu của lịch sử.

Thứ hai, là sản phẩm của nền nông nghiệp, đồng thời là hệ tư tưởng và công cụ thống trị của giai cấp địa chủ phong kiến trong việc củng cố và duy trì bộ máy Nhà nước và trật tự xã hội phong kiến, Nho giáo không thể không trở thành một công cụ để bảo vệ cơ sở kinh tế và cơ cấu giai cấp - xã hội của xã hội phong kiến. Mặc dù các nhà Nho đều thừa nhận sự tồn tại những mâu thuẫn giai cấp, tình trạng bất công, bất bình đẳng xã hội - nảy sinh từ cơ sở kinh tế phong kiến, nhưng họ không chủ trương xoá bỏ sự tồn tại và phân chia xã hội thành những giai cấp có địa vị và quyền lợi về căn bản là đối lập, đối kháng. Trên thực tế, bằng học thuyết chính trị, đạo đức vừa linh hoạt vừa bảo thủ, vừa nhân đạo vừa phản động, các nhà Nho đều nhất quán duy trì thực trạng và trật tự của xã hội phong kiến, sao cho giai cấp thống trị bóc lột mãi mãi là giai cấp thống trị bóc lột, còn giai cấp bị thống trị, bị bóc lột phải yên phận ở địa vị bị thống trị, bị bóc lột. Do vậy mà, không phải ngẫu nhiên, các nhà Nho đều ca ngợi đến mức tuyệt đối hóa sự tồn tại vĩnh viễn xã hội nông nghiệp, coi nghề nông là

gốc (nông vì bản), công thương là ngọn (công thương vì mạt). Đúng thời để biện hộ cho sự tồn tại mãi mãi cái xã hội nông nghiệp ấy, trong cách phân chia thứ hạng dân, các nhà Nho đều coi sĩ (người đi học), nông (người làm nghề nông nghiệp) có vị trí và vai trò quan trọng hơn công (thợ thủ công, công nghiệp) và thương (buôn bán); coi hai hạng người sĩ, nông là cơ sở, nền tảng của xã hội, còn hai hạng người kia chỉ làm tha hoá đạo đức của con người, của xã hội. Chính từ một quan niệm hết sức lạc hậu, bảo thủ và phản động như vậy mà các nhà Nho đều khuyên nhà cầm quyền phải "trọng nông, ức thương" và trong nội dung giáo dục, Nho giáo không bao giờ dạy con người những tri thức về giới tự nhiên, khoa học tự nhiên, tri thức và cách làm công, thương nghiệp. Có lẽ trong quan niệm và tư tưởng của các nhà Nho, những tri thức ấy sẽ làm suy yếu và thủ tiêu cơ sở kinh tế - xã hội của xã hội phong kiến. Do đó mà cũng tất yếu, trước sự phát triển của khoa học kỹ thuật, sự phát triển của xã hội loài người, Nho giáo đã bộc lộ tất cả những mặt hạn chế, bảo thủ, lạc hậu, trì trệ của nó.

Thứ ba, cái xã hội lý tưởng trong quan niệm của các nhà Nho là xã hội trong đó mọi người phải có đời sống đạo đức và đời sống vật chất tương đối đầy đủ.

Ở nội dung này, trước hết cũng cần lưu ý thêm rằng, đã có những ý kiến khẳng định rằng, Nho giáo chủ trương một xã hội nghèo, một xã hội mà trong đó mọi người đều "an bản lạc đạo", vui với cảnh nghèo. Cũng đã có những ý kiến cho rằng, Nho giáo đối lập lợi ích vật chất với đạo đức, coi thường việc làm giàu và, Nho giáo chưa bao giờ là động lực của sự phát triển kinh tế. Hai loại ý kiến này đều dựa vào rất nhiều câu chữ trong các sách kinh điển của Nho giáo để luận chứng cho những sự khẳng định trên. Song thực ra không hoàn toàn như vậy. Trong toàn bộ (tổng thể) học thuyết của mình, các nhà nho - từ người sáng lập ra phái Nho giáo là Khổng Tử trở đi - "không hoàn toàn đối lập giữa lợi ích vật chất và đạo đức, không coi thường việc làm giàu, không phủ nhận vai trò tích cực của sự phát triển kinh tế đối với sự hoàn thiện con người, và ổn định xã hội"[4,36]. Đúng là Nho giáo coi Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín là những phẩm chất đạo đức cao cả mà mọi người cần tu dưỡng để đạt tới và tự hoàn thiện mình. Không chỉ vậy mà Nho giáo bàn về những vấn đề đạo đức trong sự thống nhất, gắn

liên với Lợi (vật chất). Trong sách Luận ngữ, Khổng Tử không phản đối việc làm giàu, cũng không coi việc làm giàu là xấu, nếu "sự giàu" ấy không trái đạo. Ông nói rõ ràng: "Giàu với sang, ai lại chẳng muốn? Nhưng nếu chẳng phải đạo mà được giàu sang, thì người quân tử chẳng thèm. Nghèo với hèn, ai mà chẳng ghét? Nhưng nếu chúng nó đến với mình mà mình chẳng lỗi đạo thì người quân tử chẳng từ bỏ"[1,53]. Ông còn nói thêm: "Như nước nhà yên trị mà mình chịu phận bán cùng, dễ tiện, đó là sự xấu hổ. Còn như nước - nhà loạn lạc mà mình hưởng phần giàu có, sang trọng, đó là điều đáng xấu hổ"[1,127]. Cho nên theo ông, "Nếu ai thấy món lợi bèn nhớ đến điều nghĩa mà chẳng dám phạm... người như vậy cũng đáng gọi là bậc thánh nhân được rồi"[1,221]. Cũng đúng là Khổng Tử coi cảnh giàu sang chỉ như "đám mây nổi" nhưng chỉ khi mà cảnh giàu sang ấy do hành vi bất nghĩa mà có được; và nếu giàu sang mà bất nghĩa, trái đạo thì ông khuyên mọi người cùng ông thả "ăn cơm thô, uống nước lã, sống trong cảnh đơn bạc"[1,107] còn hơn !. Đồng thời Khổng Tử cũng không chủ trương hoàn toàn vứt bỏ vật lợi, mà chỉ chủ trương bỏ cái vật lợi nhỏ bé trước mắt (ở Khổng Tử và các nhà Nho, so với đạo đức, lợi ích vật chất chỉ là nhỏ bé, là cái lợi trước mắt) để được cái lợi lớn hơn, lâu dài hơn. Không những thế ở *chương Tử Lộ*, sách Luận ngữ, Khổng Tử còn khuyên nhà cầm quyền: khi dân đã đông thì phải giúp họ làm giàu; và khi dân đã giàu phải giáo hoá họ [1,203]. Cũng như Khổng Tử, Mạnh Tử cũng nhận thức rõ vai trò của đời sống vật chất, lợi ích vật chất đối với đời sống đạo đức, đối với công việc giáo hoá con người. Từ từ tưởng "dân vì bang bản", "dân vì quý", nhà "dân bản" Mạnh Tử đã từng đòi hỏi nhà cầm quyền phải làm cho dân có tài sản riêng (chế dân chi sản) phải tạo sản nghiệp cho dân. Bởi theo ông, đối với dân "có hằng sản mới có hằng tâm", dân có đời sống vật chất đầy đủ thì họ mới thực hiện được đạo Hiếu, đạo Trung, mới học và làm theo Lễ, Nghĩa. Ngoài ra, Mạnh Tử không chỉ nhận thức được vai trò của đời sống vật chất đối với đời sống đạo đức mà còn nhận thức được rằng, kinh tế là cơ sở, động lực của công việc giáo dục, giáo hoá. Ông nói: "Những năm dư dật thì con em nhiều người tử tế. Những năm đói kém thì con em nhiều người trở nên hung bạo"[5,7]. Cũng đúng là Mạnh Tử đã có những lần khuyên con người hãy vứt bỏ điều lợi. Những tư tưởng này của ông là kết luận tất yếu từ sự phê phán đường lối Bá đạo, đường lối chỉ vì Lợi mà sẵn sàng làm bất cứ việc gì, kể cả

những việc bất nghĩa, bất nhân. Cái lợi mà Mạnh Tử chủ trương từ bỏ chỉ là những dục vọng vật chất, những lợi ích vật chất tầm thường đang làm mất dần đi cái bản tính "thiện" vốn của con người.

Như vậy Khổng Tử, Mạnh Tử không hoàn toàn coi thường Lợi, không phủ nhận vai trò của đời sống vật chất, không đối lập Nghĩa và Lợi, không coi thường và phủ nhận sự giàu sang. Cho nên, xét về thực chất, trong bản chất những quan niệm của các ông, xã hội lý tưởng mà các ông đề xuất ra không phải là một xã hội nghèo. Nghiên cứu Nho giáo, chúng ta biết rằng, những tư tưởng trên của Khổng Tử, Mạnh Tử lại được tiếp tục, được bổ sung và phát triển thêm ở các nhà Nho sau này.

Tóm lại theo chúng tôi, quan niệm của các nhà Nho về một xã hội lý tưởng là một xã hội phải bảo đảm được sự kết hợp hài hoà giữa đời sống kinh tế phát triển và đời sống tinh thần, đạo đức lành mạnh. Và theo các nhà Nho, sự hài hoà ấy là một trong những nguyên nhân cơ bản để giữ vững sự ổn định, trật tự của xã hội.

Thứ tư, trong tư tưởng quan niệm của các nhà Nho, một xã hội lý tưởng phải là xã hội có giáo dục, mọi người phải được giáo dục, giáo hoá. Ở các nhà Nho, giáo hoá cũng là một trong những biện pháp căn bản để xây dựng một xã hội ổn định, có trật tự, kỷ cương, thái bình, thịnh trị, để tạo ra con người có đạo đức, mẫu người lý tưởng trong xã hội lý tưởng. Chính vì vậy mà Nho giáo đặc biệt đề cao, coi trọng giáo dục, giáo hoá. Nhận thức được vai trò của con người, vai trò của giáo dục, mà ngay từ đầu Khổng Tử - người mà về sau, các nhà Nho đều tôn làm Thánh Vương đã đưa ra chủ trương "Hữu giáo vô loại", "Phú nhi hậu giáo" với phương châm "Học không biết chán, dạy không biết mỏi". Tất nhiên, nội dung giáo dục, giáo hoá trước sau như một là những lời dạy của các bậc Thánh hiền trong Tứ thư, Ngũ kinh - tức là những nguyên lý, nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức của đạo làm vua, đạo làm bề tôi, đạo làm người. Hầu hết các nhà Nho đều khẳng định vai trò quyết định nhất của đạo đức đối với việc hoàn thiện con người và ổn định, hoàn thiện xã hội. Khổng Tử đã từng nói: "Như ai thi hành việc chính trị, cầm quyền cai trị nước nhà mà biết đem cái đức mình mà bố hoá ra, thì mọi người đều phục tùng theo. Tỷ như ngôi sao Bắc

đầu ở một chỗ, mà mọi vì sao châu theo"[1.15]. Và ông còn chỉ rõ: "Muốn dẫn dắt dân chúng, nhà cầm quyền phải dùng đức - hạnh; muốn trị dân, nhà cầm quyền phải dùng lễ - tiết, thì chẳng những dân biết xấu hổ, họ lại còn cảm hoá mà trở nên tốt lành"[1.15].

Song, để làm cho dân có đức hạnh và tuân phục, để làm tròn trách nhiệm là người "thay Trời trị dân", "cha mẹ của muôn dân", để xứng đáng với cương vị là người giáo hoá, "dưỡng dân", theo các nhà Nho, người cầm quyền, kẻ cai trị trước hết phải là người được giáo dục, tự mình giáo hoá, trước hết phải là người có đạo đức. Khổng Tử nói: "Này, nếu người bề trên chuộng lễ, thì dân chẳng dám bỏ niềm cung kính. Nếu người bề trên háo nghĩa, thì dân chẳng bội lễ công chính. Nếu người bề trên biết tín thật, thì dân chẳng dám sai ngoa trong tình giao - ước. Nếu nhà cầm quyền ở đủ lễ, nghĩa, tín như vậy, thì dân chúng từ bốn phương xa sẽ đem con đến để phục dịch mình. Cần chi phải học nghề cày cấy"[1.201]. Và ông nói tiếp: "Nếu nhà cầm quyền tự mình giữ theo chính đạo, chẳng đợi ra lệnh, dân cũng ăn ở đúng phép; còn như tự mình chẳng giữ theo chính đạo, dẫu mình có ra lệnh buộc dân theo, họ cũng không theo"[1.201]. "Nhược bằng mình chẳng có thể sửa trị lấy mình, làm sao cai trị nhân dân được"[1.205]. Và "người quân tử (đôi khi ông còn dùng từ này để chỉ người cầm quyền - NTB) mà bỏ điều Nhân thì làm sao là người quân tử (tức nhà cầm quyền) được".

Không những thế, các nhà Nho đều cho rằng, người cầm quyền, người cai trị có đạo đức, hành động có đạo đức mới được lòng dân, mới được dân tin. Được lòng dân và lòng tin của dân đối với nhà cầm quyền, theo các nhà Nho là điều kiện tiên quyết nhất đối với sự tồn tại, hưng thịnh của mỗi một triều đại, mỗi một chế độ. Như khi Tử Cống hỏi về đạo trị nước, Khổng Tử đáp rằng: "Nhà cầm quyền phải có ba điều kiện này: Lương - thực cho đủ nuôi dân, binh - lực cho đủ bảo vệ dân, lòng tin cậy của dân đối với mình". Tử Cống hỏi tiếp: "Trong ba điều ấy, bắt buộc dĩ mà phải bỏ bớt, thì bỏ ra điều nào trước?" Đáp: "Bỏ binh lực". Tử Cống hỏi nữa: "Còn lại hai điều là lương thực và lòng tin, bắt buộc dĩ mà phải bỏ bớt, thì bỏ ra điều nào trước?" Đáp: "Bỏ lương thực. Là vì từ xưa cho đến nay, trong nước nếu thiếu lương thực thì xảy ra nạn chết đói; chớ dân mà không tin nhà cầm quyền thì chính phủ phải

đồ"[1,185]. Trong *Sách Mạnh Tử*, Mạnh Tử cũng nhấn mạnh, sự tồn - vong, an - nguy của triều đại, của đất nước gắn chặt và phụ thuộc vào việc những chủ trương, biện pháp của vua, nhà cầm quyền có được lòng dân hay không. Ông nói: "Mất thiên hạ là vì mất dân chúng, mất dân chúng là vì mất lòng dân. Hễ được dân chúng, tự nhiên sẽ được thiên hạ, hễ được lòng dân tự nhiên sẽ được dân chúng". Nhưng để được lòng dân, để được dân chúng, theo các nhà Nho, nhà vua, nhà cầm quyền đối với dân và trong quan hệ với dân: Phải coi dân là gốc nước, là quý; sai khiến dân phải thận trọng, tùy thời, phải giữ trung tín với dân, phải chăm lo đời sống của dân, phải biết "Dân dĩ thực vi thiên", phải là tấm gương sáng cho dân...

Mặt khác, một xã hội lý tưởng, trong quan niệm của các nhà Nho không chỉ nhà vua, người cầm quyền có đạo đức mà tất cả mọi người trong xã hội cũng phải có đạo đức. Xuất phát từ tiền đề cho rằng, bản tính vốn có của con người là giống nhau, như nhau (thiện, ác hay vừa thiện, vừa ác...) nhưng có thể thay đổi, các nhà Nho đều khẳng định rằng, con người có thể trở thành "thiện" (có đạo đức) một phần (nhưng rất cơ bản) phụ thuộc vào giáo dục, giáo hoá, vào việc tu dưỡng học tập của con người.

Như vậy là, trong quan niệm của các nhà Nho, giáo dục, giáo hoá có một vai trò quan trọng trong việc tạo lập một xã hội lý tưởng, mẫu người lý tưởng. Đồng thời giáo dục, giáo hoá chiếm một vị trí thiết yếu trong xã hội ấy.

Hệ quả tất yếu từ đường lối coi trọng giáo dục, giáo hoá cũng như việc Nhà nước phong kiến đề cao, tôn vinh người học giỏi, áp dụng chính sách chọn cử người hiền tài ra làm quan thông qua con đường học tập, thi cử, Nho giáo đã đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra một tầng lớp tri thức trong xã hội, một tầng lớp cai trị - cầm quyền có học, một tinh thần ham học, hiếu học trong xã hội và mỗi người, tạo ra một xã hội hết mực "đề cao văn hoá, đề cao văn hiến, trọng kẻ có học, kẻ làm văn chương" (Trần Đình Huợ). Tuy nhiên, với nội dung giáo dục, thi cử giới hạn ở những nguyên lý, chuẩn mực đạo đức trong Tứ thư, Ngũ kinh, với phương châm học tập và thi cử chủ yếu là "thuật nhi bất tác", với mục đích giáo dục là để làm quan hưởng bổng lộc và hoàn

thiện đạo đức con người phù hợp với xã hội phong kiến, do vậy giáo dục, khoa cử theo lối Nho học - cũng là nền giáo dục trong xã hội phong kiến - không thể không tránh khỏi những di hại, những hạn chế. Điều dễ nhận thấy là nền giáo dục đó chỉ có thể tạo ra những con người chỉ biết vùi đầu trong đống sách vở Nho học, chỉ có thể tạo ra một tầng lớp người mà tri thức của họ chỉ thu hẹp ở những hiểu biết về các quan hệ xã hội và cách ứng xử của con người trong các quan hệ xã hội đó. Do vậy, trước sự phát triển của khoa học kỹ thuật, trước những bước ngoặt của sự phát triển xã hội, họ không có vai trò gì đáng kể.

Ngoài ra, với việc trọng đạo đức, coi việc hoàn thiện nhân cách đạo đức của mỗi người là điều kiện để xây dựng và hoàn thiện xã hội lý tưởng, Nho giáo đã góp phần tạo ra cho con người một lẽ sống: sống có trách nhiệm với gia đình, đất nước và với cả chính mình, những con người đặc biệt coi trọng trật tự, kỷ cương, những con người mà "Phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất"; cũng như tạo ra một cộng đồng xã hội có tôn ti, trật tự, hoà mục từ trong gia đình đến nhà nước, thiên hạ. Song cũng do những hạn chế trong nội dung giáo dục và chủ yếu nhằm phục vụ chế độ phong kiến, do vậy Nho giáo đã góp phần tạo ra một xã hội và những con người bảo thủ, trì trệ, lạc hậu; hạn chế mặt tài năng và tính sáng tạo của con người; cản trở sự phát triển của xã hội, của lịch sử.

Những điều trình bày trên đây về quan niệm của Nho giáo về xã hội lý tưởng, với một số đặc trưng cơ bản của nó.... cũng như những điểm tích cực và hạn chế trong quan niệm ấy mới chỉ là những phác thảo ban đầu. Mặc dù vậy, ở nội dung này, có thể khẳng định rằng, Nho giáo vẫn có vai trò nhất định trong việc nhận thức và xây dựng xã hội XHCN ở Việt Nam hiện nay.

II

Nho giáo đã có quá trình du nhập và tồn tại ở Việt Nam khoảng 2000 năm. Trong suốt quá trình ấy, Nho giáo đã ảnh hưởng và có vai trò đến nhiều mặt, nhiều lĩnh vực của xã hội và con người Việt Nam với tất cả những mặt tích cực và tiêu cực của nó. Nho giáo, như GS. Nguyễn Tài Thư khẳng định, đã trở thành một bộ phận văn hoá truyền

thống, không những thế nó còn là cốt lõi của văn hoá truyền thống Việt Nam.

Từ khi thực dân Pháp hoàn thành việc áp đặt chế độ đô hộ, xâm lược nước ta, và nhất là sau năm 1954, với việc miền Bắc nước ta bắt tay vào công cuộc xây dựng CNXH, hệ tư tưởng Mác - Lênin được coi là nền tảng lý luận và là hệ tư tưởng chính thống, thì những cơ sở kinh tế - xã hội của Nho giáo đã dần mất đi. Song là một bộ phận cốt lõi của truyền thống, Nho giáo vẫn ảnh hưởng và có vai trò nhất định trong xã hội và con người Việt Nam, trong quá trình xây dựng xã hội XHCN ở Việt Nam. Vì vậy, việc kế thừa, phát triển những yếu tố tích cực cũng như khắc phục, phê phán, loại bỏ những yếu tố tiêu cực của Nho giáo đã và đang là một trong những vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn cấp bách trong sự nghiệp CNH, HĐH đất nước cũng như trong toàn bộ sự nghiệp xây dựng CNXH ở Việt Nam.

Trong những di sản của Nho giáo, quan niệm về một xã hội lý tưởng vẫn có những giá trị nhất định đối với việc nhận thức và xây dựng xã hội XHCN trong điều kiện thực tiễn của Việt Nam.

Quan niệm của Nho giáo và của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về một xã hội lý tưởng là sự khác nhau về chất, về căn bản. Bởi đó là sự khác nhau về đối tượng, đặc trưng, bản chất.... của đối tượng quan niệm. Song giữa những sự khác nhau ấy, vẫn có những điểm giống nhau.

1. Trong *Chính cương vắn tắt* của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu rõ mục tiêu của Cách mạng vô sản Việt Nam: “Làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản” [8,2]. Như vậy là đi lên CNCS và xây dựng CNCS ở nước ta là sự lựa chọn hợp với quy luật phát triển của lịch sử, phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh của xã hội Việt Nam, hợp với lòng người. Đó cũng là mục đích cuối cùng của toàn bộ sự nghiệp của Đảng và nhân dân ta. Chính việc dân tộc ta đã chiến đấu kiên cường chống lại các cuộc chiến tranh xâm lược của các thế lực đế quốc với bao mất mát, hy sinh to lớn là bằng chứng hùng hồn về sự kiên trì đối với sự lựa chọn đúng đắn và duy nhất đó. Bởi vì, phải sống trong cảnh nô lệ lầm than, bị áp bức,

bóc lột dưới chế độ phong kiến thực dân, nhân dân ta hiểu rõ hơn ai hết, chỉ có CNXH, CNCS mới vĩnh viễn xoá bỏ nguyên nhân và tình trạng áp bức, bóc lột, nô dịch; mới thực hiện triệt để việc giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người; mới thực sự đưa dân tộc ta tới sự phát triển phồn vinh về đời sống vật chất và phong phú, đa dạng về đời sống văn hoá, tinh thần; mới thực hiện đầy đủ, đúng đắn nhất quyền lực của nhân dân. Do đó mà, xã hội CSCN chính là xã hội lý tưởng của toàn thể dân tộc và nhân dân ta.

Nếu quan niệm của Nho giáo về một xã hội lý tưởng, xã hội đại đồng về thực chất và bản chất của cái xã hội đó là xã hội phong kiến. Trong cái xã hội đó vẫn tồn tại những cơ sở nảy sinh tình trạng người bóc lột và kẻ bị bóc lột. Dân trong cái xã hội đó dù có được coi là "gốc nước", là "quý" thì cũng chỉ là những kẻ thứ nhân, tiểu nhân, chỉ là những người hèn kém về đạo đức và trí tuệ, chỉ có thể sai khiến họ chứ không giảng giải cho họ biết. Còn xã hội cộng sản là chế độ xã hội do nhân dân lao động làm chủ, là một xã hội trong đó con người được giải phóng vĩnh viễn khỏi sự áp bức, bóc lột, bất công, có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, có điều kiện để phát triển toàn diện về mọi mặt.

Nho giáo coi nhà là gốc của nước, nước là gốc của thiên hạ. Hay nói một cách khác, với Nho giáo, nước, thiên hạ chỉ là một cái nhà lớn và toàn bộ thân dân, đất đai trong các loại nhà đó đều thuộc quyền sở hữu của một ông vua, một dòng họ thống trị. Có nghĩa là chủ nhân thật sự và duy nhất của cái xã hội lý tưởng mà các nhà Nho quan niệm chỉ là một ông vua, một dòng họ thống trị mà thôi.

Còn trong xã hội XHCN, nhà (gia đình) là tế bào của xã hội và nhân dân lao động là chủ nhân của xã hội đó.

Nhưng cũng phải thừa nhận rằng, từ khi Đảng và Nhà nước ta chủ trương đổi mới, mở cửa, thực hiện nền kinh tế thị trường, nảy sinh tình trạng một số cán bộ, đảng viên lợi dụng chức quyền để trục lợi cho cá nhân và dòng họ của mình. Không ít người trong họ đã coi đơn vị, tổ chức, cơ quan mà họ đứng đầu là của riêng mình; nhân danh những tập thể đó để mưu cầu lợi ích cá nhân, thực hiện những toán tính cá nhân. Những thành viên (dân) trong những tập thể ấy chỉ là những người bị

sai khiến, chịu ân huệ. Trên thực tế, ở những nơi đó quyền dân chủ của dân bị tước đi một cách vừa trắng trợn, vừa ngọt ngào. Còn những người đứng đầu trong các tập thể đó đang suy nghĩ và hành động như những ông chủ, những ông vua nhỏ, chứ không còn là công bộc, đầy tớ của dân. Phải chăng, tư tưởng trên của Nho giáo vẫn còn ảnh hưởng trong một số người, ở một số nơi trong xã hội ta và đang làm biến chất bản chất chế độ XHCN ở nước ta hiện nay.

2. Nho giáo quan niệm xã hội lý tưởng là một xã hội giàu, là một xã hội mà nhà cầm quyền quan tâm đến cả kinh tế và đạo đức; hơn thế nữa còn coi đạo đức là nền tảng của xã hội. Song về thực chất, các nhà Nho, kẻ cầm quyền không muốn làm cho dân giàu. Những biện pháp kinh tế mà họ thi hành đối với dân cũng nhằm mục đích để dân học, và làm theo lễ nghĩa, kỷ cương, trật tự của xã hội phong kiến; cũng vì quyền lợi, địa vị của giai cấp phong kiến thống trị.

Xã hội XHCN ở nước ta là một xã hội cao hơn và khác về bản chất với cái xã hội lý tưởng mà Nho giáo quan niệm. Do vậy, xã hội XHCN phải là một xã hội giàu có, hiện đại, văn minh. Trong xã hội này, dân giàu là điều kiện, là cơ sở cho nước mạnh và xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Xã hội XHCN ở nước ta là sự kết hợp hài hoà giữa sự phát triển mạnh mẽ, ngày càng được cao của lực lượng sản xuất và đời sống văn hoá, tinh thần ngày càng nâng cao, đa dạng, phong phú. Tất cả đều do mọi người của mọi người và vì lợi ích của mọi người.

3. Xã hội lý tưởng trong quan niệm của Nho giáo phải là một xã hội có trật tự, kỷ cương, ổn định. Theo đó, các quan hệ xã hội cơ bản của con người từ trong gia đình đến ngoài xã hội phải có trật tự, kỷ cương. Nhưng việc Nho giáo đề cao, coi trọng trật tự, kỷ cương cũng nhằm mục đích cuối cùng là duy trì vĩnh viễn chế độ phân biệt đẳng cấp, danh phận, chế độ bất bình đẳng; là nhằm duy trì trật tự xã hội có lợi cho giai cấp địa chủ phong kiến thống trị.

Tất nhiên xã hội XHCN ở nước ta càng phải là một xã hội có trật tự, có kỷ cương; một xã hội mà trong đó mọi người đều có nghĩa vụ, trách nhiệm với nhau, đều có nghĩa vụ và bình đẳng trước pháp luật.

Xây dựng xã hội có trật tự, kỷ cương ở nước ta hiện nay phải vì lợi ích của đất nước, vì hạnh phúc, tự do cho mọi người. Xã hội XHCN không thể chấp nhận một thực trạng đang tồn tại trong xã hội ta hiện nay: trong gia đình thì con cháu hỗn láo với cha mẹ, ông bà, anh em thì bất hoà, vợ chồng không tôn trọng nhau; trong nhà trường thì học trò xấc xược, vô lễ với thầy cô giáo; trong các cơ quan Nhà nước thì hiện tượng bè phái, cục bộ địa phương ngày càng trầm trọng, kỷ cương, nề nếp bị buông xuôi; trong xã hội thì đầy rẫy hiện tượng chup giât, lừa lọc, đua nhau làm giàu bất chấp đạo lý, bất chấp pháp luật... Thực trạng này đang làm xói mòn đạo đức, nhân cách con người và trật tự, kỷ cương của đất nước; đang hạn chế sự phát triển kinh tế và ổn định xã hội.

4. Nho giáo đặc biệt đề cao đạo đức, vai trò đạo đức của nhà vua, kẻ cầm quyền, coi sự hưng - vong, an - nguy của nhà vua, triều đại, chế độ là phụ thuộc vào đạo đức, tu dưỡng đạo đức (tu thân) của họ. Đồng thời còn là một trong những điều kiện cơ bản nhất để được lòng dân. Do vậy, ở các nhà Nho, phẩm chất đạo đức là tiêu chuẩn và là yêu cầu quan trọng nhất của nhà vua, người cầm quyền. Nhưng Nho giáo coi trọng đạo đức, sự tu dưỡng đạo đức của người đứng đầu "nước", "thiên hạ" cuối cùng cũng nhằm cố định hoá vĩnh viễn các quyền sở hữu toàn bộ đất đai, nhân dân trong thiên hạ của nhà vua.

Còn để xây dựng CNXH, nhằm thực tế hoá bản chất của chế độ XHCN ở nước ta, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm, coi trọng phẩm chất đạo đức của người cán bộ, đảng viên. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: "Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi đến mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân... tự mình không có đạo đức, không có căn bản, tự mình đã hủ hoá, xấu xa thì còn làm nổi việc gì"[9,252-253]. Và Người nói tiếp: "Mọi công việc thành hay là bại, chủ chốt là do cán bộ có phẩm chất đạo đức cách mạng hay không"[10,116], và "ai giữ được đạo đức cách mạng đều là người cao thượng"[10,116].

Trước đây, các nhà Nho cho rằng, để được lòng dân, để được dân tin, không chỉ phụ thuộc vào những chủ trương, chính sách, biện pháp của nhà vua, người cầm quyền mà chủ yếu phụ thuộc vào sự "nêu gương" của họ. Ngày nay, Đảng ta cũng chỉ rõ, Đảng lãnh đạo cách mạng không phải chỉ bằng đường lối, bằng chính sách... mà còn bằng "nêu gương", để "từ sự gương mẫu về mọi mặt của các tổ chức và từng cán bộ trong bộ máy đảng, Nhà nước, đoàn thể mà phát huy vai trò lãnh đạo"[11,81]. Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng thường xuyên quan tâm đến lòng dân, lòng tin của dân. Như Người nói: "Ta được lòng dân thì ta không sợ gì cả. Nếu không được lòng dân thì ta không thể làm tốt công việc được"[12,388]. Nhưng muốn được lòng dân, muốn được dân tin, Người luôn luôn nhắc nhở cán bộ, đảng viên: "Việc gì có lợi cho dân, ta phải hết sức làm, việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh"[13,36].

Nội dung đạo đức cũng là nội dung "tu thân" của người quân tử, kẻ cầm quyền trong quan niệm của Nho giáo là Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín và mục đích của tu thân là vì mình, vì quyền lợi của giai cấp thống trị. Cho nên, cái đạo đức ấy là đạo đức phong kiến, của bọn phong kiến, vì bọn phong kiến. Còn nội dung đạo đức, sự tu dưỡng đạo đức của người cán bộ, đảng viên Việt Nam như Đảng và chủ tịch Hồ Chí Minh quan niệm là: Cần, Kiệm, Liêm, Chính, Chí công, Vô tư. Người cán bộ, đảng viên tu dưỡng đạo đức, giữ vững phẩm chất đạo đức ấy của mình trước hết, trên hết và chủ yếu là vì lợi ích của Đảng, của nhân dân, của đất nước. Do đó, đạo đức của người cán bộ, đảng viên là đạo đức cách mạng, đạo đức vì nhân dân, vì Tổ quốc. Vì vậy, những khái niệm đạo đức cơ bản của Nho giáo như Nhân, Trung, Hiếu hoàn toàn khác về nội dung và mục đích với khái niệm đạo đức trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Ở Hồ Chí Minh, Trung là trung thành tuyệt đối với Đảng, với Nhà nước; Hiếu không chỉ là hiếu với cha mẹ, ông bà của mình mà còn là hiếu với nhân dân. Nhân là "thật thà thương yêu, hết lòng giúp đỡ đồng chí đồng bào. Vì thế mà kiên quyết chống lại những người, những việc có hại đến Đảng, đến nhân dân. Vì thế mà sẵn lòng chịu cực khổ trước mọi người, hưởng hạnh phúc sau thiên hạ. Vì thế mà không ham giàu sang, không e cực khổ, không sợ oai quyền"[14,262].

5. Nho giáo đặc biệt đề cao giáo dục, đòi hỏi người cầm quyền phải được giáo dục, phải có tri thức. Song nội dung giáo dục ở Nho giáo chỉ là những lời dạy đạo đức của các bậc Thánh hiền như Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín, Trung, Hiếu, có nghĩa là nội dung tri thức mà nhà Nho cần đào tạo chỉ ở trong sách vở, kinh điển Nho gia chỉ giới hạn ở những hiểu biết về các quan hệ, ứng xử giữa người và người trong xã hội. Nho giáo không chủ trương và không bao giờ dạy con người những hiểu biết về tự nhiên, về khoa học kỹ thuật, về sản xuất, buôn bán.

Để hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đòi hỏi người cán bộ, đảng viên phải học tập, phải có tri thức. Vì "Học để tu dưỡng đạo đức cách mạng. Có đạo đức cách mạng thì mới hy sinh tận tụy với cách mạng, mới lãnh đạo được quần chúng đưa cách mạng tới thắng lợi hoàn toàn"[15,151]. Cho nên, nội dung giáo dục học tập không chỉ là học tập lý luận cách mạng mà còn là tri thức về các khoa học khác, tri thức về thực tiễn lao động sản xuất. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: người cán bộ, đảng viên phải "Học ở trường, học ở sách vở, học lẫn nhau và học ở nhân dân, không học nhân dân là một thiếu sót rất lớn"[15,152]. Và điều quan trọng hơn là "Học với hành phải đi đôi. Học mà không hành thì học vô ích. Hành mà không học thì hành không trôi chảy"[15,152].

* * *

Như vậy là, cho dù còn có những hạn chế nào đó, song những quan niệm của Nho giáo về một xã hội lý tưởng, cùng những đặc trưng và biện pháp để tạo lập xã hội đó vẫn có giá trị với tính cách là sự gợi mở cho chúng ta trong việc nhận thức và xây dựng CNXH ở nước ta hiện nay. Nó cũng giúp cho chúng ta thêm tin tưởng về sự lựa chọn của Đảng ta con đường đi lên CNXH, dù rằng trên con đường đi tới cái đích ấy, chúng ta phải trải qua nhiều gian khổ, thử thách.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Khổng Tử: *Luận ngữ*. NXB Trí Đức, Sài Gòn, 1950. Đoàn Trung Còn dịch.
2. Cao Huy Đình: *Quan hệ giữa tư tưởng của giai cấp thống trị và nhân dân trong xã hội phong kiến qua một vài truyện cổ*. Tạp chí Văn học, 6.1962.
3. Lê Đình Kỳ: *Nguyễn Du và đạo đức phong kiến*. Tạp chí Văn học, 6 - 1965.
4. Nguyễn Thanh Bình: *Nho giáo với vấn đề phát triển kinh tế và hoàn thiện con người*. Tạp chí Giáo dục lý luận, 5 - 2000. Phân viện Hà Nội, Học viện CTQG Hồ Chí Minh.
5. Mạnh Tử: *Cao Tử, Thượng*.
6. Dẫn theo: *Mạnh Tử Quốc văn giải thích*. NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1990. Nguyễn Hữu Tiến và Nguyễn Đôn Phục dịch.
7. Dẫn theo: *La Trán Vũ: Lịch sử các học thuyết chính trị Trung Quốc*. NXB Sài Gòn, 1958.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 2, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998.
9. *Hồ Chí Minh toàn tập*, Tập 5, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995.
10. Dẫn theo: Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương: *Tài liệu nghiên cứu Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu (lần 2) Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII*. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1999.
11. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII*. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998.
12. *Hồ Chí Minh toàn tập*, Tập 10, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996.
13. *Hồ Chí Minh toàn tập*, Tập 4, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995.
14. *Hồ Chí Minh*: Đạo đức là cái gốc của người cách mạng. NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1970.
15. Dẫn theo: Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương: *Tài liệu tham khảo phục vụ nghiên cứu Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu (lần 2) Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII*. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1999.
16. Dẫn theo: *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, Tập I. Nguyễn Tài Thư (Chủ biên), NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993.